TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 8 - 2022
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Đoàn Minh Hương.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và bà Hoàng Thị Hiền.
- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông .
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn H, sinh năm 1968, có địa chỉ: Thôn T xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống một thời gian, hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, nay bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H theo quy định. Bà L và ông H không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H.

Về con chung: Bà L và ông H có 03 con chung là cháu Võ M sinh ngày 21-7-1996, cháu Võ T sinh ngày 10-02-1995 và cháu Võ N sinh ngày 16-5-2004. Các con đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn ông Võ Văn H trình bày*:**

Ông Võ Văn H hoàn toàn đồng ý như trình bày của bà Nguyễn Thị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cụ thể:

Ông H và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, có địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong thời gian chung sống bản thân ông hằng ngày có uống rượu, nên gia đình có xảy ra mâu thuẫn. Do gia đình có xích mích, nên ông không thường xuyên ở nhà, chỉ thỉnh thoảng đi về, còn lại đến nhà bạn để ở. Với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L (không công nhận quan hệ vợ chồng) ông H không đồng ý. Hiện ông đã già, sức khỏe yếu, không có việc làm. Ông H có nguyện vọng được đoàn tụ với gia đình.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Võ M sinh ngày 21-7-1996, cháu Võ T sinh ngày 10-02-1995 và cháu Võ N sinh ngày 16-5-2004. Các con đều trưởng thành, nên nếu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của vợ chồng thì ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, thì ông H cũng không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp:

- *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn H. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L với ông Võ Văn H. Về con chung: Các con đều trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H đều không yêu cầu, nên không giải quyết. Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn H. Ông Võ Văn H sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa, ông Võ Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H, nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay, bà L và ông H có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn nhưng bà và ông vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tại điểm b, mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6- 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

b) "nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ 03-01-1987 đến ngày 01-01-2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký hết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003. Từ sau ngày 01-01-2003 mà họ không đi đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Quá trình chung sống như vợ chồng, hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn H là phù hợp.

Về con chung: Bà L và ông H có 03 con chung là cháu Võ M sinh ngày 21-7-1996, cháu Võ T sinh ngày 10-02-1995 và cháu Võ N sinh ngày 16-5-2004. Các con đều trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H đều không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Xét quan điểm đề nghị xử lý giải quyết vụ án, của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt và vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Võ Văn H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn H.

- *Về con chung:* Các con đều trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn H đều không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004738 ngày 25-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS H.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Mai Đoàn Minh Hương